

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST

Ngày 10 tháng 6 năm 2025

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Tuyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Thế Chiến và ông Đặng Văn Sơn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Bà HĐok Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà H’ N Niê, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Đường H, Buôn T, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Bị đơn: Ông Y’ K Bkrông, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số nhà B đường Y, Buôn T, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

- Người có quyền lợi liên quan có yêu cầu độc lập: Ngân hàng C.

Người đại diện theo ủy quyền ông Ngô Văn N - Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng C huyện C, vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Số D đường N, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà H’ N Niê trình bày:* Bà H’ N1 và ông Y’ K Bkrông sau một thời gian tìm hiểu đã tiến hành tổ chức lễ cưới và tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2005. Đến ngày 08/3/2006, vợ chồng bà mới đến UBND thị trấn B, huyện K để đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống thuận hòa hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, đôi lúc xô xát lẫn nhau. Cũng trong

năm 2016 ông Y' K Bkrông phải đi chấp hành án phạt tù trong thời gian hơn hai năm, sau khi chấp hành án xong vợ chồng bà sống với nhau được khoảng vài tháng thì ông Y' K Bkrông bỏ ra ở riêng và từ đó cho đến nay vợ chồng bà sống ly thân. Nay bà H' N Niê xét thấy không còn tình cảm với ông Y' K Bkrông nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Y' K Bkrông.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông Y' K Bkrông có 03 con chung là Y JI N2, sinh ngày 24/8/2005; H Nh N3, sinh ngày 19/10/2008 và H L N4, sinh ngày 01/6/2011. Hiện con chung Y JI N2 đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng. Kể từ 2016 cho đến nay, một mình bà H' N nuôi con, ông Y' K Bkrông không phụ giúp bà trong vấn đề này. Khi ly hôn, bà có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là H Nh N3 và H L N4, không yêu cầu ông Y' K Bkrông cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Năm 2022, vợ chồng bà H' N có vay của Ngân hàng C - Phòng giao dịch huyện C số tiền 20.000.000 đồng. Đến ngày 07/3/2021, ông bà đáo hạn và làm thủ tục ký kết lại món vay này với ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 6600000719746896, số tiền vay 20.000.000 đồng theo chương trình cho vay hộ nghèo, lãi suất 6,6%/năm, lãi suất quá hạn 8,58%/năm, thời hạn vay 60 tháng và hạn trả nợ ngày 07/3/2026. Định kỳ 12 tháng trả một lần số tiền gốc là 4.000.000 đồng, lãi trả hàng tháng. Kể từ ngày vay cho đến nay, bà H' N mới trả được cho ngân hàng 1.708.493 đồng tiền lãi, số tiền lãi còn lại do ông Y' K Bkrông trả. Khi ly hôn, bà H' N1 đồng ý trả $\frac{1}{2}$ số tiền gốc và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc mà bà H' N phải trả.

* *Bị đơn ông Y' K Bkrông trình bày:* Ông với bà H' N Niê chung sống với nhau được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện K vào ngày 08/3/2006. Những năm đầu vợ chồng sống thuận hòa hạnh phúc, biết nhường nhịn, yêu thương nhau. Tuy nhiên, khoảng 10 năm về trước vợ chồng ông có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà H' N có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, nhiều lần bỏ trốn với người tình. Nhiều lúc ông Y' K khó tránh khỏi những bức xúc nên không làm chủ được hành vi của mình, nhưng ông vẫn luôn tha thứ, yêu thương vợ con, cố gắng hàn gắn hạnh phúc vợ chồng. Quá trình tham gia tố tụng, ông Y' K yêu cầu bà H' N giải quyết nội bộ hai bên gia đình theo phong tục truyền thống của người Ê - đê nhưng bà H' N Niê không thực hiện, mặt khác vì ông vẫn còn yêu thương bà H' N Niê nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong khoảng thời gian chung sống ông bà có 03 con chung là Y JI N2, sinh ngày 24/8/2005; H Nh N3, sinh ngày 19/10/2008 và H L N4, sinh ngày 01/6/2011. Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của bà H' N Niê.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định có nợ Ngân hàng C - Phòng giao dịch huyện C 20.000.000 đồng như bà H' N trình bày, kể từ ngày vợ chồng ông đáo hạn lại món vay vào năm 2021 đến nay thì chủ yếu ông là người trả tiền lãi cho Ngân hàng. Đối với khoản tiền lãi ông đã trả, ông không yêu cầu bà H' N Niê hoàn trả lại cho ông nhưng ông không đồng ý trả nợ $\frac{1}{2}$ khoản tiền gốc còn lại cho Ngân hàng như nguyên đơn yêu cầu.

** Tại đơn khởi kiện độc lập ngày 14/3/2025 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C - ông Ngô Văn N trình bày: Ngày 07 tháng 03 năm 2021, bà H' N Niê và ông Y' K Bkrông ký hợp đồng tín dụng số 6600000719746896 với Phòng giao dịch Ngân hàng C để vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất vay 6.6%/ năm, thời hạn vay 60 tháng, hạn trả nợ gốc là ngày 07 tháng 03 năm 2026. Tính đến ngày 10 tháng 6 năm 2025, bà H' N và ông Y' K đã trả cho Ngân hàng số tiền lãi là 5.562.088 đồng, hiện bà H' N Niê và ông Y' K còn nợ ngân hàng số tiền gốc 20.000.000 đồng, tiền lãi 61.479 đồng. Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H' N Niê và ông Y' K Bkrông phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 10/6/2025 là 20.061.479 đồng và lãi phát sinh từ ngày 11/6/2025 cho đến ngày trả xong nợ.*

** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Krông Ana phát biểu ý kiến:*

Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Bị đơn cư trú tại huyện K nên Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định nguyên đơn bà H' N Niê, bị đơn ông Y' K Bkrông là đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của bà H' N Niê, xử cho bà H' N Niê ly hôn ông Y' K Bkrông.

Về con chung: Các đương sự có 03 con chung là Y JI N2, sinh ngày 24/8/2005; H Nh N3, sinh ngày 19/10/2008 và H L N4, sinh ngày 01/6/2011. Hiện con chung Y JI N2 đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng. Hiện 02 con chung H Nh N3 và H L N4, đang ở với bà H' N. Khi ly hôn, bà H' N có nguyện vọng nuôi dưỡng H Nh N3 và H L N4, các con chung có nguyện vọng ở với bà H' N. Xét yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến đề nghị của bị đơn về nuôi con là phù hợp quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của con chung dưới 18 tuổi nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung: Các đương sự không có tài sản chung nên không đề cập giải quyết.

Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng C, buộc bà H' N Niê và ông Y' K Bkrông mỗi người phải trả cho Ngân hàng 10.000.000 nợ gốc và tiền lãi phát sinh cho đến ngày trả xong nợ gốc.

Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn thuộc diện hộ nghèo, có đơn xin miễn án phí, đề nghị Tòa miễn án phí cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà H' N Niê yêu cầu giải quyết cho chị ly hôn ông Y' K Bkrông và xin nuôi con. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn ông Y' K Bkrông có địa chỉ cư trú tại Buôn T, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi quyền lợi liên quan Ngân hàng C vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà H' N và ông Y' K có đăng ký kết với nhau vào ngày 08/3/2006 tại UBND thị trấn B, huyện K là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng ông bà hạnh phúc đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng. Nay bà H' N yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn ông Y' K.

Bị đơn ông Y' K xác định vợ chồng bất đồng quan điểm, bà H' N ngoại tình nhưng ông vẫn tha thứ. Nay bà H' N xin ly hôn, ông không đồng ý ly hôn vì ông vẫn còn tình cảm với bà H' N Niê.

Xác minh tại ban tự quản Buôn Tráp, đại diện ban tự quản cho biết giữa bà H' N Niê và ông Y' K Bkrông có xảy ra mâu thuẫn, hai người đã ly thân từ 2016 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng quan hệ hôn nhân giữa bà H' N và ông Y' K đã xảy ra mâu thuẫn ở mức độ trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H' N, cho bà H' N Niê được ly hôn ông Y' K Bkrông là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Bà H' N1 và ông Y' K có 03 con chung là Y JI N2, sinh ngày 24/8/2005; H Nh N3, sinh ngày 19/10/2008 và H L N4, sinh ngày 01/6/2011. Hiện con chung Y JI N2 đã trưởng thành, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không xem xét về vấn đề nuôi dưỡng.

Bà H' N có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là H Nh N3 và H L N4, ông Y' K đồng ý. Xét yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến đề nghị của bị đơn

về nuôi con cũng như điều kiện nuôi con chung của bà H' N là phù hợp quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của con chung dưới 18 tuổi nên cần chấp nhận.

Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, cần giao 02 con chung là H Nh N3 và H L N4 cho bà H' N Niê được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con, bà H' N không yêu cầu cấp dưỡng nên không đề cập giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn xác định không có tài sản chung nên không đề cập giải quyết.

[3.4] Xét yêu cầu độc lập của Ngân hàng C là có căn cứ chấp nhận, cần buộc bà H' N Niê và ông Y' K Bkrông có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 10/6/2025 là 61.479 đồng, mỗi người phải trả 50% bằng 10.000.000 đồng nợ gốc và 30.739 đồng tiền lãi, tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng số 6600000719746896 đã ký kết kể từ ngày 11/6/2025 cho đến ngày trả xong nợ.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà H' N Niê và ông Y' K Bkrông thuộc hộ nghèo, có đơn xin miễn án phí, căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà H' N Niê và ông Y' K Bkrông.

Ngân hàng C không phải nộp tạm ứng án phí, không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H' N Niê.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà H' N Niê và ông Y' K Bkrông.

- Về con chung: Giao 02 con chung là H Nh N3, sinh ngày 19/10/2008 và H L N4, sinh ngày 01/6/2011 cho bà H' N Niê trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng C.

Buộc bà H' N Niê và ông Y' K Bkrông có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C số tiền gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 10/6/2025 là 61.479 đồng, mỗi người phải trả 50% bằng 10.000.000 đồng nợ gốc và 30.739 đồng tiền lãi, tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng số 6600000719746896 đã ký kết kể từ ngày 11/6/2025 cho đến ngày trả xong nợ.

3. Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bà H' N Niê và ông Y' K Bkrông.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- TAND tỉnh;
- Chi cục THADS;
- UBND TT. Buôn Tráp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Đình Tuyên